

TỔNG CÔNG TY
CÔ PHẦN XÂY LẮP DẦU KHÍ VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN
KẾT CẤU KIM LOẠI VÀ LẮP MÁY DẦU KHÍ

Số: 59.../QĐ-KCKL-HĐQT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Vũng Tàu, ngày 23 tháng 8 năm 2021.

QUYẾT ĐỊNH

V/v: Phê duyệt và ban hành “Quy chế Công bố thông tin”
của Công ty Cổ phần Kết cấu kim loại và Lắp máy Dầu khí

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN KẾT CẤU KIM LOẠI VÀ LẮP MÁY DẦU KHÍ

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Kết cấu kim loại và Lắp máy Dầu khí (sửa đổi, bổ sung) được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 30/6/2021;

Xét đề nghị của Giám đốc Công ty tại Tờ trình số 648/TTr-KCKL-TCKT ngày 17/8/2021 về việc phê duyệt và ban hành lại “Quy chế Công bố thông tin” của Công ty Cổ phần Kết cấu kim loại và Lắp máy Dầu khí;

Trên cơ sở ý kiến thống nhất của các Thành viên HĐQT Công ty tại Phiếu lấy ý kiến số 19/PYK-KCKL-HĐQT ngày 17/8/2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt và ban hành kèm theo Quyết định này “Quy chế Công bố thông tin” của Công ty Cổ phần Kết cấu kim loại và Lắp máy Dầu khí.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Hội đồng quản trị, Giám đốc, các Phó giám đốc Công ty, Trưởng các Phòng ban chức năng, Đơn vị trực thuộc và các cá nhân/ bộ phận có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 2 (để t/h);
- Ban kiểm soát (để p/h t/h);
- Lưu: VT, TC-KT, TCH-HC.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Đình Văn Hưng



**QUY CHẾ CÔNG BỐ THÔNG TIN
CÔNG TY CỔ PHẦN
KẾT CẤU KIM LOẠI VÀ LẮP MÁY DẦU KHÍ.**

**NIÊM YẾT TẠI
SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP. HỒ CHÍ MINH**

MỤC LỤC

CHƯƠNG I. QUY ĐỊNH CHUNG.....	2
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng:.....	2
Điều 2. Tài liệu tham khảo:	2
Điều 3. Các chữ viết tắt:	2
Điều 4. Giải thích từ ngữ:	3
Điều 5. Nguyên tắc công bố thông tin:.....	4
Điều 6. Phương tiện công bố thông tin:.....	4
CHƯƠNG II. NỘI DUNG CÔNG BỐ THÔNG TIN	5
Điều 7. Lưu đồ thực hiện:.....	5
Điều 8. Các nội dung công bố thông tin:.....	6
CHƯƠNG III. TRÁCH NHIỆM THỰC HIỆN VÀ XỬ LÝ VI PHẠM	6
Điều 9. Trách nhiệm phối hợp giữa người CBTT và các phòng chức năng liên quan:....	6
Điều 10. Xử lý vi phạm về công bố thông tin:	7
Điều 11. Thẩm quyền xử lý vi phạm:.....	7
Điều 12. Triển khai thực hiện:.....	7
PHỤ LỤC 1. HƯỚNG DẪN CBTT CÁC PHÒNG CHỨC NĂNG LIÊN QUAN	8
PHỤ LỤC 2. HƯỚNG DẪN CBTT CỦA CÁC ĐỐI TƯỢNG KHÁC	17
PHỤ LỤC 3. CÁC MẪU BIỂU	19

CHƯƠNG I. QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng:

1. Phạm vi điều chỉnh:

Quy chế này quy định về việc công bố thông tin của Công ty trên thị trường chứng khoán Việt Nam. Đồng thời, quy định việc phối hợp giữa các Phòng chức năng, bộ phận và các cá nhân liên quan thuộc Công ty và các đối tượng khác trong việc thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin.

2. Đối tượng áp dụng:

- a) Người công bố thông tin;
- b) Phòng chức năng gồm: Phòng Tài chính - Kế toán (phòng đầu mối) và các phòng chức năng liên quan khác của Công ty;
- c) Người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ, cổ đông lớn, nhóm người có liên quan nắm giữ từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty.

Điều 2. Tài liệu tham khảo:

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019;
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;
- Căn cứ Quyết định số 450/QĐ-UBCK của UBCKNN ban hành Quy chế sử dụng Hệ thống công bố thông tin của UBCKNN ngày 14 tháng 7 năm 2021;
- Căn cứ Quy chế Công bố thông tin tại SGDCK Tp. Hồ Chí Minh ban hành kèm theo Quyết định số 340/QĐ-SGDHCM ngày 19 tháng 08 năm 2016 của Tổng giám đốc SGDCK TPHCM;
- Căn cứ Điều lệ và Quy chế nội bộ về quản trị Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí.

Điều 3. Các chữ viết tắt:

- Công ty : Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí
- UBCKNN : Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- IDS PRO : Hệ thống công bố thông tin của UBCKNN
- SGDCKHCM/HOSE : Sở giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh
- ECM : Hệ thống quản lý tài liệu điện tử thuộc Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh
- VSD : Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam/ Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam
- TTCKVN : Thị trường Chứng khoán Việt Nam
- CBTT : Công bố thông tin
- HĐQT : Hội đồng quản trị

- BCTC : Báo cáo tài chính
- CĐL : Cổ đông lớn
- CPQ : Cổ phiếu quỹ
- ĐHĐCĐ : Đại hội đồng cổ đông
- GCNĐKDN : Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp
- CTĐC : Công ty đại chúng
- NY : Niêm yết
- NNB : Người nội bộ
- NCLQ : Người có liên quan
- CTĐC QML : Công ty Đại chúng quy mô lớn
- CTĐC NY : Công ty Đại chúng niêm yết

Điều 4. Giải thích từ ngữ:

1. *Người nội bộ của Công ty là:*

- Chủ tịch HĐQT, thành viên HĐQT, Người đại diện theo pháp luật, Giám đốc, Phó giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý tương đương do ĐHĐCĐ bầu hoặc HĐQT bổ nhiệm;

- Trưởng Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát;

- Thư ký Công ty, Người phụ trách quản trị Công ty, Người được ủy quyền công bố thông tin.

2. *Ngày công bố thông tin:* là ngày thông tin xuất hiện trên một trong các phương tiện CBTT quy định tại Điều 6 Quy chế này.

3. *Ngày báo cáo về việc công bố thông tin:* là ngày gửi fax, gửi qua thư điện tử, ngày thông tin được tiếp nhận trên hệ thống CBTT của UBCKNN, phương tiện CBTT của SGĐCKHCM hoặc ngày UBCKNN, SGĐCKHCM nhận được văn bản báo cáo tùy theo thời điểm nào đến trước.

4. *Đối với tài liệu dưới dạng văn bản:* Văn bản hợp lệ là bản chính hoặc bản sao hợp lệ. Yêu cầu của văn bản hợp lệ:

- Đối với văn bản của cá nhân: Văn bản có họ tên và chữ ký của cá nhân.

- Đối với văn bản của tổ chức: Văn bản có xác nhận của người có thẩm quyền bao gồm: họ tên, chức vụ, chữ ký của người có thẩm quyền, đóng dấu (nếu có).

5. *Bản scan văn bản dùng công bố thông tin:* phải có đầy đủ nội dung theo quy định đối với văn bản hợp lệ.

6. *Dữ liệu điện tử dùng công bố thông tin:* là dữ liệu có định dạng word/excel/pdf (word/excel sử dụng bảng mã Unicode).

7. *Người công bố thông tin:* là Người đại diện theo pháp luật của Công ty hoặc Người được ủy quyền CBTT. Người đại diện theo pháp luật của Công ty phải chịu trách nhiệm về tính chính xác, kịp thời và đầy đủ về thông tin do người được ủy quyền CBTT công bố.

8. *Người có liên quan^{III}:* là cá nhân, tổ chức có quan hệ với nhau trong các trường hợp sau đây:

[¹] Theo quy định tại Điều 4 Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019

- a) Doanh nghiệp và người nội bộ của doanh nghiệp đó;
- b) Doanh nghiệp và tổ chức, cá nhân sở hữu trên 10% số cổ phiếu có quyền biểu quyết hoặc vốn góp của doanh nghiệp đó;
- c) Tổ chức, cá nhân mà trong mối quan hệ với tổ chức, cá nhân khác trực tiếp, gián tiếp kiểm soát hoặc bị kiểm soát bởi tổ chức, cá nhân đó hoặc cùng với tổ chức, cá nhân đó chịu chung một sự kiểm soát;
- d) Cá nhân và bố đẻ, mẹ đẻ, bố nuôi, mẹ nuôi, bố chồng, mẹ chồng, bố vợ, mẹ vợ, vợ, chồng, con đẻ, con nuôi, con dâu, con rể, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của cá nhân đó;
- e) Quan hệ hợp đồng trong đó một tổ chức, cá nhân là đại diện cho tổ chức, cá nhân kia;
- f) Tổ chức, cá nhân khác là người có liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp 59/2020/QH14.

9. *Tổ chức kiểm toán được chấp thuận*: là tổ chức kiểm toán độc lập thuộc danh sách các tổ chức kiểm toán được UBCKNN chấp thuận kiểm toán theo quy định của Luật Chứng khoán và pháp luật về kiểm toán độc lập.

Điều 5. Nguyên tắc công bố thông tin:

1. Việc CBTT phải đầy đủ, chính xác, kịp thời theo quy định pháp luật.
2. Đối tượng CBTT theo quy định tại Khoản 2 Điều 1 Quy chế này phải chịu trách nhiệm về nội dung thông tin công bố. Trường hợp có sự thay đổi nội dung thông tin đã công bố, Đối tượng CBTT phải công bố nội dung thay đổi và lý do thay đổi so với thông tin đã công bố trước đó.
3. Khi CBTT, đối tượng CBTT theo quy định tại Khoản 2 Điều 1 Quy chế này phải đồng thời báo cáo UBCKNN và SGDCKHCM về nội dung thông tin công bố, bao gồm đầy đủ các thông tin theo quy định.
4. Việc công bố các thông tin cá nhân bao gồm: Căn cước công dân, Chứng minh nhân dân, Chứng minh quân nhân, Hộ chiếu còn hiệu lực, địa chỉ liên lạc, địa chỉ thường trú, số điện thoại, số fax, thư điện tử, số tài khoản giao dịch chứng khoán, số tài khoản lưu ký chứng khoán, số tài khoản ngân hàng, mã số giao dịch của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài sở hữu trên 50% vốn điều lệ chỉ được thực hiện nếu chủ thể liên quan đồng ý.
5. Trường hợp thông tin công bố bao gồm các thông tin cá nhân quy định tại Khoản 4 Điều 5 Quy chế này và các đối tượng công bố thông tin không đồng ý công khai các thông tin này thì phải gửi UBCKNN và SGDCKHCM 02 bản tài liệu, trong đó 01 bản báo cáo về việc công bố thông tin bao gồm đầy đủ thông tin cá nhân và 01 bản báo cáo không bao gồm thông tin cá nhân để UBCKNN và SGDCKHCM thực hiện công khai thông tin.

Điều 6. Phương tiện công bố thông tin:

Stt	Đối tượng tiếp nhận CBTT	Phương tiện CBTT
1	Công ty	Chuyên mục về Quan hệ cổ đông trên trang thông tin điện tử (website) của Công ty (*)
2	Ủy ban Chứng khoán Nhà nước	Hệ thống công bố thông tin của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước - IDS Pro

3	Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh	Trang thông tin điện tử của Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh - Hệ thống ECM
4	Phương tiện thông tin đại chúng khác theo quy định của pháp luật trong một số trường hợp	Trang thông tin điện tử của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.
5		Báo in, Báo điện tử, v.v...

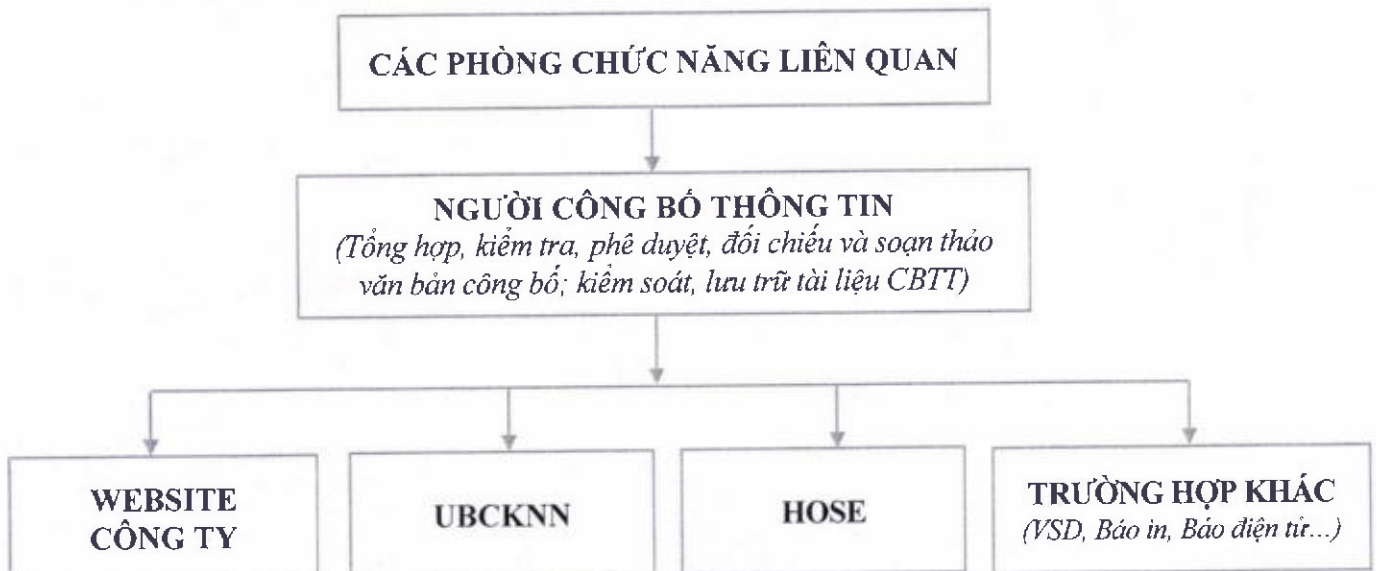
(*) Lưu ý:

- Trường hợp nghĩa vụ CBTT phát sinh vào ngày nghỉ, ngày lễ, Công ty vẫn thực hiện CBTT trên chuyên mục về Quan hệ cổ đông của Công ty vào ngày nghỉ, ngày lễ theo quy định pháp luật. Công ty thực hiện đầy đủ nghĩa vụ CBTT theo quy định pháp luật vào ngày làm việc liền sau ngày nghỉ, ngày lễ.
- Công ty khi lập trang thông tin điện tử phải báo cáo với UBCKNN, Sở giao dịch chứng khoán và công khai địa chỉ trang thông tin điện tử và mọi thay đổi liên quan đến địa chỉ này trong thời hạn **03 ngày làm việc**, kể từ ngày hoàn tất việc lập trang thông tin điện tử hoặc khi thay đổi địa chỉ trang thông tin điện tử này.
- Trang thông tin điện tử phải hiển thị thời gian đăng tải thông tin, đồng thời phải đảm bảo nhà đầu tư có thể dễ dàng tìm kiếm và tiếp cận được các dữ liệu trên trang thông tin điện tử đó.
- Các thông tin công bố định kỳ, thông tin về việc đăng ký CTĐC phải được lưu giữ dưới dạng văn bản (nếu có) và dữ liệu điện tử tối thiểu 10 năm. Các thông tin này phải được lưu giữ và truy cập được trên trang thông tin điện tử của đối tượng CBTT tối thiểu là 05 năm;
- Các thông tin công bố bất thường hoặc theo yêu cầu hoặc các hoạt động khác phải được lưu giữ và truy cập được trên trang thông tin điện tử của đối tượng CBTT tối thiểu 05 năm.

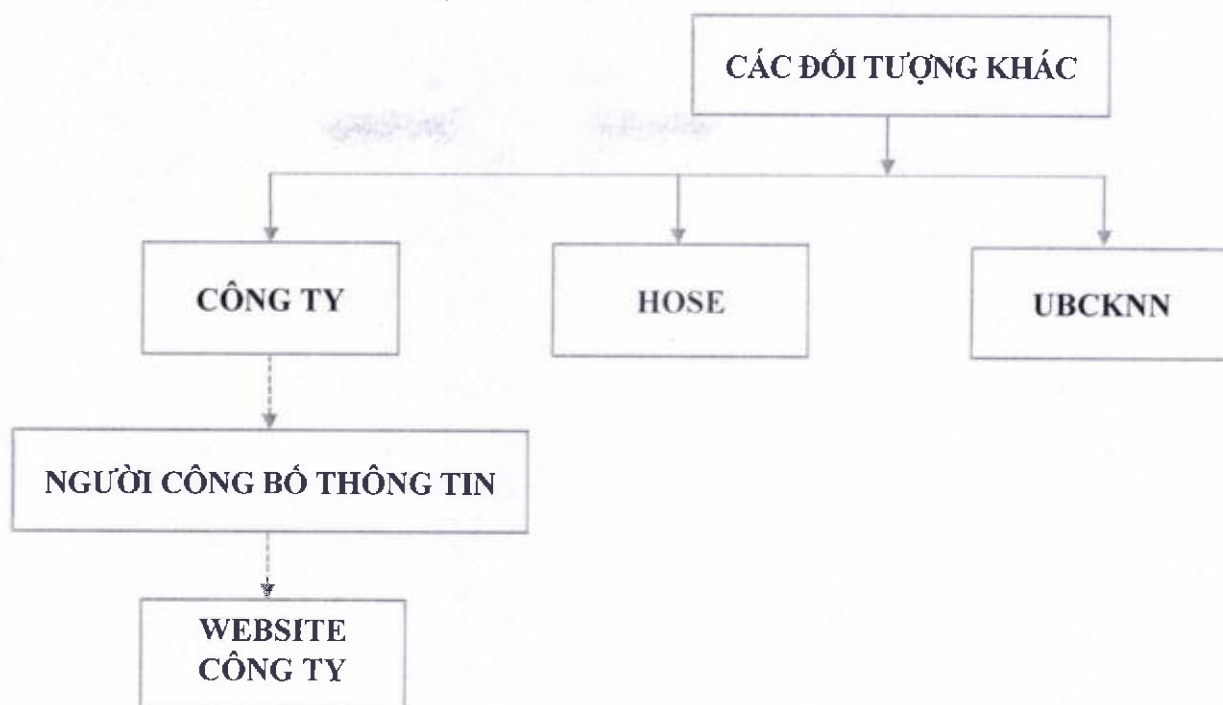
CHƯƠNG II. NỘI DUNG CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 7. Lưu đồ thực hiện:

1. Áp dụng các Phòng chức năng liên quan theo quy định tại Điểm a và b Khoản 2 Điều 1 Quy chế này:



2. Áp dụng đối với các đối tượng khác (**):



Ghi chú: ———> : Gửi trực tiếp Công ty, UBCKNN và HOSE
- - - -> : Người CBTT tiếp nhận thông tin từ đối tượng khác thực hiện rà soát và công bố lên Website công ty.

(**) Đối tượng khác là đối tượng Quy định tại Điểm c Khoản 2 Điều 1 Quy chế này gồm Người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ, cổ đông lớn, nhóm người có liên quan nắm giữ từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty.

Điều 8. Các nội dung công bố thông tin:

1. Các phòng chức năng liên quan theo quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 1 Quy chế này phối hợp triển khai thực hiện CBTT theo quy định tại Phụ lục 1 Quy chế này, trong đó Phòng Tài Chính – Kế toán là phòng đầu mối chủ trì thực hiện.
2. Các đối tượng khác thực hiện CBTT theo quy định tại Phụ lục 2 Quy chế này.

CHƯƠNG III. TRÁCH NHIỆM THỰC HIỆN VÀ XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 9. Trách nhiệm phối hợp giữa người CBTT và các phòng chức năng liên quan:

1. Người CBTT chịu trách nhiệm về thực hiện nghĩa vụ CBTT của Công ty với UBCKNN, SGDCKHCM, nhà đầu tư và những người có liên quan khác theo các quy định của pháp luật và Điều lệ của Công ty.
2. Người CBTT trong phạm vi chức năng của mình tiếp nhận, xử lý các thông tin từ các phòng chức năng cung cấp các thông tin theo nội dung Quy chế này. Trưởng các phòng chức năng chịu trách nhiệm về tính chính xác và kịp thời của các thông tin cung cấp cho người CBTT
3. Đối với những thông tin bất thường, thông tin cung cấp theo yêu cầu phải công bố theo quy định, các phòng chức năng liên quan (nơi phát sinh thông tin cần cung cấp) có trách nhiệm cung cấp thông tin cho người CBTT trong vòng 06 giờ kể từ khi phát sinh sự kiện CBTT.
4. Người CBTT phải giám sát việc CBTT và báo cáo HĐQT kết quả thực hiện.

Điều 10. Xử lý vi phạm về công bố thông tin:

1. Các đối tượng được quy định tại Khoản 2 Điều 1 Quy chế này có hành vi vi phạm các quy định tại Quy chế này, vi phạm các quy định của pháp luật gây thiệt hại cho Công ty liên quan đến việc thực hiện, quản lý hoạt động CBTT thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, xử phạt hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự; nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

2. Việc xử lý vi phạm về CBTT được thực hiện theo Nghị định số 156/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán và các văn bản pháp luật có liên quan khác.

3. Giám đốc có quyền đưa ra các hình thức xử lý vi phạm phù hợp với chức năng và quyền hạn của mình đối với các trường hợp vi phạm về Quy chế CBTT này.

4. Trường hợp vi phạm nghiêm trọng, vượt quá thẩm quyền giải quyết của Giám đốc, Giám đốc báo cáo HĐQT xử lý vi phạm theo quy định.

Điều 11. Thẩm quyền xử lý vi phạm:

1. Đối với vi phạm phát sinh từ người CBTT: Việc xử lý vi phạm sẽ được thực hiện theo quy định pháp luật và thẩm quyền của HĐQT.

2. Đối với vi phạm phát sinh từ cá nhân trực thuộc phòng chức năng, việc xử lý vi phạm sẽ được thực hiện theo quy định pháp luật và thẩm quyền của Giám đốc.

Điều 12. Triển khai thực hiện:

1. Căn cứ vào nội dung Quy chế, các đối tượng có liên quan có trách nhiệm triển khai thực hiện.

2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến nghĩa vụ CBTT chưa được đề cập trong Quy chế này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Quy chế thì những quy định pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh nghĩa vụ CBTT của các đối tượng có nghĩa vụ CBTT liên quan.

3. Việc sửa đổi, bổ sung Quy chế này phải được Hội đồng quản trị xem xét, quyết định.


Đình Văn Hưng

PHỤ LỤC 1. HƯỚNG DẪN CBTT CÁC PHÒNG CHỨC NĂNG LIÊN QUAN

STT	NỘI DUNG	THỜI HẠN CUNG CẤP THÔNG TIN	THỜI HẠN CBTT	GHI CHÚ	BỘ PHẬN CUNG CẤP THÔNG TIN
A. CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ					
I. BÁO CÁO TÀI CHÍNH					
1.	Báo cáo tài chính quý		Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày kết thúc quý.	Điểm c Khoản 3 Điều 14 TT96	Phòng TC-KT
2.	Báo cáo tài chính bán niên đã được soát xét	Tối thiểu 24h trước hạn CBTT cuối cùng	Trong thời hạn 05 ngày , kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo soát xét nhưng tối đa không quá 60 ngày , kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu năm tài chính.	Điểm c Khoản 2 Điều 14 TT96	
3.	Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán		Trong thời hạn 10 ngày , kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo kiểm toán nhưng không vượt quá 90 ngày , kể từ ngày kết thúc năm tài chính	Điểm c Khoản 1 Điều 10 TT96	
	Chú ý khi CBTT Báo cáo tài chính phải giải trình nguyên nhân khi xảy ra 1 trong các trường hợp sau:		CBTT đồng thời với Báo cáo tài chính cân giải trình		
	<ul style="list-style-type: none"> - Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ công bố thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước; - Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ; hoặc chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại; - Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán hoặc soát xét từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại. 				

II. BÁO CÁO TÌNH HÌNH QUẢN TRỊ CÔNG TY

1.	Báo cáo tình hình quản trị Công ty bán niên	Tối thiểu 24h trước hạn CBTT cuối cùng	Trong thời hạn 30 ngày , kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu năm dương lịch	Khoản 4 Điều 10 TT96	Phòng TC-KT, Người phụ trách quản trị
2.	Báo cáo tình hình quản trị Công ty năm	Tối thiểu 24h trước hạn CBTT cuối cùng	Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày kết thúc năm dương lịch		
	Bảng cung cấp thông tin về quản trị Công ty theo Mẫu CBTT/SGDHCM-03: - Một bản báo cáo - Một bản dữ liệu điện tử theo định dạng Excel		Gửi kèm Báo cáo tình hình quản trị Công ty đến Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh		

III. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

1.	Báo cáo thường niên	Tối thiểu 24h trước hạn CBTT cuối cùng	Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày công bố báo cáo tài chính năm được kiểm toán nhưng không vượt quá 110 ngày , kể từ ngày kết thúc năm tài chính	Khoản 2 Điều 10 TT96	Phòng TC-KT, TK-QLKT, TC-HC, Người phụ trách quản trị
----	---------------------	--	--	----------------------	---

IV. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN/ BẤT THƯỜNG

1.	CBTT về ngày đăng ký cuối cùng dự kiến thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu để tham dự họp ĐHĐCĐ (chốt DSCĐ)	Tối thiểu 24h trước hạn CBTT cuối cùng	Tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng dự kiến	Điểm b Khoản 4 Điều 11 TT96	Phòng TC-KT, Người phụ trách quản trị
2.	CBTT về họp ĐHĐCĐ thường niên/ bất thường	Tối thiểu 12h trước hạn CBTT cuối cùng	Tối thiểu 21 ngày trước ngày khai mạc họp ĐHĐCĐ	Điểm a Khoản 3 Điều 10 TT96	
3.	Biên bản họp, nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên/ bất thường và tài liệu kèm theo trong biên bản, nghị quyết; <i>Trường hợp ĐHĐCĐ thông qua việc hủy niêm yết, công ty phải CBTT về việc hủy niêm yết kèm theo tỷ lệ thông qua của cổ đông không phải là cổ đông lớn.</i>		Trong thời hạn 24 giờ kể từ thời điểm thông qua BBH và NQ của ĐHĐCĐ	Điểm b Khoản 3 Điều 10 TT96	

V. LẤY Ý KIẾN CỔ ĐÔNG BẢNG VẤN BẢN				
	Tối thiểu 24h trước hạn CBTT cuối cùng	Tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng dự kiến	Điểm b Khoản 4 Điều 11 TT96	Điểm b Khoản 3 Điều 11 TT96
1. CBTT về ngày đăng ký cuối cùng dự kiến thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu để lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản (Chốt DSCD)				
2. Phiếu lấy ý kiến, dự thảo Nghị quyết ĐHĐCĐ và các tài liệu giải trình dự thảo Nghị quyết	Tối thiểu 12h trước hạn CBTT cuối cùng	Tối thiểu 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến	Điểm c Khoản 1 Điều 11 TT96;	Phòng TC-KT, Người phụ trách quản trị
3. CBTT thông qua Nghị quyết ĐHĐCĐ dưới hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản và Biên bản kiểm phiếu; <i>Trường hợp ĐHĐCĐ thông qua việc hủy niêm yết, công ty phải CBTT về việc hủy niêm yết kèm theo tỷ lệ thông qua của cổ đông không phải là cổ đông lớn.</i>	Tối thiểu 24h trước hạn CBTT cuối cùng	Trong thời hạn 24 giờ kể từ thời điểm thông qua Nghị quyết và Biên bản kiểm phiếu lấy ý kiến cổ đông		
VI. DANH SÁCH CỔ ĐÔNG NHÀ NƯỚC, CỔ ĐÔNG CHIẾN LƯỢC, CỔ ĐÔNG LỚN VÀ CỔ PHIẾU QUỸ				
1. Danh sách cổ đông nhà nước, cổ đông chiến lược, cổ đông lớn và cổ phiếu quỹ tại thời điểm 06 tháng đầu năm dương lịch	Tối thiểu 24h trước hạn CBTT cuối cùng	Chậm nhất là ngày 10/06 (Căn cứ trên DSCĐ được chốt đến thời điểm gần nhất trước ngày 31/05)		Phòng TC-KT
2. Danh sách cổ đông nhà nước, cổ đông chiến lược, cổ đông lớn và cổ phiếu quỹ tại thời điểm 06 tháng cuối năm dương lịch		Chậm nhất là ngày 10/12 (Căn cứ trên DSCĐ được chốt đến thời điểm gần nhất trước ngày 30/11)		
B. CÔNG BỐ THÔNG TIN BẮT BUỘC				
1. Tài khoản của công ty tại ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài bị phong tỏa theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền hoặc khi tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán phát hiện có dấu hiệu gian lận, vi phạm pháp luật liên quan đến tài khoản thanh toán; tài khoản được phép hoạt động trở lại sau khi bị phong tỏa;	Tối thiểu 12h trước hạn CBTT cuối cùng	Trong thời hạn 24 giờ kể từ thời điểm phát sinh sự kiện	Khoản 1 Điều 11 TT96	Phòng TC-KT
2. Khi nhận được văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc khi công ty có quyết định về tạm ngừng một phần hoặc toàn bộ hoạt động kinh doanh; thay đổi nội	Tối thiểu 12h trước hạn	Trong thời hạn 24 giờ kể từ thời điểm phát sinh sự kiện	Khoản 1 Điều 11 TT96	Phòng TC-KT, TC-HC

	đung đăng ký doanh nghiệp; thu hồi GCNĐKDN; sửa đổi, bổ sung hoặc bị đình chỉ, thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy phép hoạt động;	CBTT cuối cùng	Trong thời hạn 24 giờ kể từ thời điểm phát sinh sự kiện	Khoản 1 Điều 11 TT96	Phòng TC-KT
3.	Quyết định mua lại cổ phiếu của công ty hoặc bán cổ phiếu quỹ; ngày thực hiện quyền mua cổ phần của người sở hữu trái phiếu kèm theo quyền mua cổ phần hoặc ngày thực hiện chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu; quyết định chào bán chứng khoán ra nước ngoài và các quyết định liên quan đến việc chào bán, phát hành chứng khoán;	Tối thiểu 12h trước hạn CBTT cuối cùng	Trong thời hạn 24 giờ kể từ thời điểm phát sinh sự kiện	Khoản 1 Điều 11 TT96	Phòng TC-KT
4.	Quyết định về mức cổ tức, hình thức trả cổ tức, thời gian trả cổ tức; quyết định tách, gộp cổ phiếu;	Tối thiểu 12h trước hạn CBTT cuối cùng	Trong thời hạn 24 giờ kể từ thời điểm phát sinh sự kiện	Khoản 1 Điều 11 TT96	Phòng TC-KT
5.	Quyết định về việc tổ chức lại doanh nghiệp (chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi loại hình doanh nghiệp), giải thể, phá sản doanh nghiệp; thay đổi mã số thuế, thay đổi tên công ty, con dấu của công ty; thay đổi địa điểm; thành lập mới hoặc đóng cửa trụ sở chính, chi nhánh, nhà máy, văn phòng đại diện; ban hành, sửa đổi, bổ sung Điều lệ; chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của công ty;	Tối thiểu 12h trước hạn CBTT cuối cùng	Trong thời hạn 24 giờ kể từ thời điểm phát sinh sự kiện	Khoản 1 Điều 11 TT96	Phòng TC-KT, TC-HC, TK-QLKT
6.	Quyết định thay đổi kỳ kế toán, chính sách kế toán áp dụng (trừ trường hợp thay đổi chính sách kế toán áp dụng do thay đổi quy định pháp luật); thông báo doanh nghiệp kiểm toán đã ký hợp đồng kiểm toán BCTC năm hoặc thay đổi doanh nghiệp kiểm toán (sau khi đã ký hợp đồng); việc hủy hợp đồng kiểm toán đã ký;	Tối thiểu 12h trước hạn CBTT cuối cùng	Trong thời hạn 24 giờ kể từ thời điểm phát sinh sự kiện	Khoản 1 Điều 11 TT96	Phòng TC-KT
7.	Quyết định tham gia góp vốn thành lập, mua để tăng sở hữu trong một công ty dẫn đến công ty đó trở thành công ty con, công ty liên kết hoặc bán để giảm tỷ lệ sở hữu tại công ty con, công ty liên kết dẫn đến công ty đó không còn là công ty con, công ty liên kết hoặc giải thể công ty con, công ty liên kết;	Tối thiểu 12h trước hạn CBTT cuối cùng	Trong thời hạn 24 giờ kể từ thời điểm phát sinh sự kiện	Khoản 1 Điều 11 TT96	Phòng TC-KT, TC-HC

8.	<p>Công ty đăng ký mô hình công ty và loại báo cáo tài chính phải CBTT sau khi đăng ký ngày giao dịch đầu tiên hoặc đăng ký lại loại báo cáo tài chính khi thay đổi mô hình công ty (do tham gia góp vốn thành lập, mua để tăng sở hữu trong một công ty dẫn đến công ty đó trở thành công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết hoặc bán để giảm sở hữu tại công ty con, công ty liên kết, dẫn đến công ty đó không còn là công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết hoặc giải thể công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết hoặc thành lập, giải thể đơn vị trực thuộc) theo mẫu CBTT/SGDHCM-07;</p>	Tối thiểu 12h trước hạn CBTT cuối cùng	Trong thời hạn 24 giờ kể từ thời điểm phát sinh sự kiện	Khoản 1 Điều 11 TT96	Phòng TC-KT, TC-HC
9.	<p>Quyết định của DHECD hoặc HDQT thông qua họp đồng, giao dịch giữa công ty với người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ hoặc người có liên quan của công ty;</p>	Tối thiểu 12h trước hạn CBTT cuối cùng	Trong thời hạn 24 giờ kể từ thời điểm phát sinh sự kiện	Khoản 1 Điều 11 TT96	Phòng TC-KT, TK-QLKT, Người phụ trách quản trị
10.	<p>Khi có sự thay đổi số cổ phiếu có quyền biểu quyết. Thời điểm công bố thông tin thực hiện như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp công ty phát hành thêm cổ phiếu hoặc chuyển đổi trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi thành cổ phiếu; - Trường hợp công ty mua lại cổ phiếu của chính mình hoặc bán cổ phiếu quỹ; - Trường hợp công ty mua lại cổ phiếu của người lao động theo quy chế phát hành cổ phiếu cho người lao động của công ty hoặc mua lại cổ phiếu lô lẻ theo yêu cầu của cổ đông; công ty chứng khoán mua cổ phiếu của chính mình để sửa lỗi giao dịch hoặc mua lại cổ phiếu lô lẻ. 	Tối thiểu 12h trước hạn CBTT cuối cùng	<p>Trong thời hạn 24 giờ kể từ thời điểm phát sinh sự kiện</p> <p>Tính từ thời điểm công ty báo cáo UBCKNN về kết quả phát hành, kết quả chuyển đổi theo quy định pháp luật về phát hành chứng khoán</p> <p>Tính từ thời điểm công ty báo cáo kết quả giao dịch theo quy định pháp luật về mua lại cổ phiếu của chính mình, bán cổ phiếu quỹ</p> <p>Công ty CBTT trong thời hạn 10 ngày đầu tiên của tháng trên cơ sở các giao dịch đã hoàn tất và cập nhật đến ngày công bố thông tin;</p>	Khoản 1 Điều 11 TT96	Phòng TC-KT

11.	Công ty thay đổi, bổ nhiệm mới, bổ nhiệm lại, bãi nhiệm người nội bộ; nhận được đơn xin từ chức của người nội bộ (công ty cần nêu rõ về thời điểm hiệu lực theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty);	Tối thiểu 12h trước hạn CBTTC cuối cùng	Trong thời hạn 24 giờ kể từ thời điểm phát sinh sự kiện	Khoản 1 Điều 11 TT96	Phòng TC-KT, TC-HC, Người phụ trách quản trị
12.	Công ty gửi cho UBCKNN, SGDCKHCM Bản cung cấp thông tin của người nội bộ mới (nếu có) theo Phụ lục 3 kèm theo và Danh sách người nội bộ và người có liên quan theo mẫu CBTT/SGDHCM-05 ;	Tối thiểu 24h trước hạn CBTTC cuối cùng	Trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày CBTTC về việc thay đổi người nội bộ		Phòng TC-KT, TC-HC, Người phụ trách quản trị
13.	Trường hợp có sự thay đổi người có liên quan của người nội bộ, Công ty báo cáo cho SGDCKHCM về thay đổi người có liên quan của người nội bộ theo mẫu CBTT/SGDHCM-06 ;	Tối thiểu 24h trước hạn CBTTC cuối cùng	Trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày thay đổi		Phòng TC-KT, TC-HC, Người phụ trách quản trị
14.	Trường hợp thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên có đơn xin từ nhiệm khi chưa được thông qua tại ĐHĐCĐ, tổ chức niêm yết thực hiện công bố đơn xin từ nhiệm;	Tối thiểu 12h trước hạn CBTTC cuối cùng	Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi nhận được đơn xin từ nhiệm		Phòng TC-KT, TC-HC, Người phụ trách quản trị
15.	Quyết định mua, bán tài sản hoặc thực hiện các giao dịch có giá trị lớn hơn 15% tổng tài sản của công ty căn cứ vào báo cáo tài chính năm gần nhất được kiểm toán hoặc báo cáo tài chính 06 tháng gần nhất được soát xét;	Tối thiểu 12h trước hạn CBTTC cuối cùng	Trong thời hạn 24 giờ kể từ thời điểm phát sinh sự kiện	Khoản 1 Điều 11 TT96	Phòng TC-KT
16.	Khi nhận được quyết định khởi tố đối với công ty, người nội bộ của công ty; tạm giam, truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người nội bộ của công ty;	Tối thiểu 12h trước hạn CBTTC cuối cùng	Trong thời hạn 24 giờ kể từ thời điểm phát sinh sự kiện	Khoản 1 Điều 11 TT96	Phòng TC-KT, TC-HC, Người phụ trách quản trị
17.	Khi nhận được bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án liên quan đến hoạt động của công ty; Quyết định xử phạt vi phạm pháp luật về thuế;	Tối thiểu 12h trước hạn CBTTC cuối cùng	Trong thời hạn 24 giờ kể từ thời điểm phát sinh sự kiện	Khoản 1 Điều 11 TT96	Phòng TC-KT, TC-HC
18.	Công ty nhận được thông báo của Tòa án thụ lý đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản doanh nghiệp;	Tối thiểu 12h trước hạn CBTTC cuối cùng	Trong thời hạn 24 giờ kể từ thời điểm phát sinh sự kiện	Khoản 1 Điều 11 TT96	Phòng TC-KT, TC-HC

19.	Trường hợp công ty nhận biết được sự kiện, thông tin làm ảnh hưởng đến giá chứng khoán của chính công ty, công ty phải xác nhận hoặc đính chính về sự kiện, thông tin đó;	Tối thiểu 12h trước hạn CBTТ cuối cùng	Trong thời hạn 24 giờ kể từ thời điểm phát sinh sự kiện	Khoản 1 Điều 11 TT96	Phòng TC-KT, TC-HC, Người phụ trách quản trị
20.	Khi xảy ra các sự kiện khác có ảnh hưởng lớn đến hoạt động sản xuất, kinh doanh hoặc tình hình quản trị của công ty;	Tối thiểu 12h trước hạn CBTТ cuối cùng	Trong thời hạn 24 giờ kể từ thời điểm phát sinh sự kiện	Khoản 1 Điều 11 TT96	Phòng TC-KT, TC-HC, Người phụ trách quản trị
21.	Được chấp thuận hoặc hủy bỏ niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán nước ngoài;	Tối thiểu 12h trước hạn CBTТ cuối cùng	Trong thời hạn 24 giờ kể từ thời điểm phát sinh sự kiện	Khoản 1 Điều 11 TT96	Phòng TC-KT
22.	Quyết định tăng, giảm vốn điều lệ;	Tối thiểu 12h trước hạn CBTТ cuối cùng	Trong thời hạn 24 giờ kể từ thời điểm phát sinh sự kiện	Khoản 1 Điều 11 TT96	Phòng TC-KT
23.	Quyết định góp vốn đầu tư vào một tổ chức, dự án, vay, cho vay hoặc các giao dịch khác với giá trị từ 10% trở lên trên tổng tài sản của công ty tại báo cáo tài chính năm gần nhất được kiểm toán hoặc báo cáo tài chính bán niên gần nhất được soát xét;	Tối thiểu 12h trước hạn CBTТ cuối cùng	Trong thời hạn 24 giờ kể từ thời điểm phát sinh sự kiện	Khoản 1 Điều 11 TT96	Phòng TC-KT
24.	Quyết định góp vốn có giá trị từ 50% trở lên vốn điều lệ của một tổ chức (xác định theo vốn điều lệ của tổ chức nhận vốn góp trước thời điểm góp vốn);	Tối thiểu 12h trước hạn CBTТ cuối cùng	Trong thời hạn 24 giờ kể từ thời điểm phát sinh sự kiện	Khoản 1 Điều 11 TT96	Phòng TC-KT
25.	Trường hợp tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến kiểm toán hoặc kết luận soát xét không phải là ý kiến kiểm toán hoặc kết luận soát xét chấp nhận toàn phần đối với BCTC hoặc BCTC có điều chỉnh hồi tố, công ty phải CBTT về ý kiến kiểm toán, kết luận soát xét, kết quả điều chỉnh hồi tố BCTC;	Tối thiểu 24h trước hạn CBTТ cuối cùng	Trong thời hạn theo quy định tại Phụ lục 1, Mục I. Báo cáo tài chính – Khoản 1, 2 và 3	Khoản 5 Điều 11 TT96	Phòng TC-KT
26.	Sau khi thay đổi kỳ kế toán, Công ty công bố BCTC cho giai đoạn giữa 02 kỳ kế toán của năm tài chính cũ và	Tối thiểu 24h trước hạn	Trong thời hạn 10 ngày , kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo	Khoản 6 Điều 11 TT96	Phòng TC-KT

	năm tài chính mới theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp;	CBTT cuối cùng	cáo kiểm toán nhưng không quá 90 ngày kể từ ngày bắt đầu của năm tài chính mới		
27.	Đối với các sự kiện cần có sự chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền;	Tối thiểu 12h trước hạn CBTT cuối cùng	Công ty thực hiện CBTT theo quy định kể từ khi ban hành quyết định/ng nghị quyết và CBTT trong thời hạn 24 giờ kể từ khi nhận được văn bản chấp thuận hoặc không chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền	Khoản 6 Điều 11 TT96	Phòng TC-KT
C. CÔNG BỐ THÔNG TIN THEO YÊU CẦU					
1.	Công ty phải CBTT kể từ khi nhận được yêu cầu của UBCKNN, SGDCKHCM khi xảy ra một trong các sự kiện sau đây: - Sự kiện ảnh hưởng nghiêm trọng đến lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư; - Có thông tin liên quan đến công ty ảnh hưởng lớn đến giá chứng khoán và cần phải xác nhận thông tin đó.	Tối thiểu 12h trước hạn CBTT cuối cùng	Trong thời hạn 24 giờ kể từ thời điểm xảy ra sự kiện	Điều 12 TT96	Phòng TC-KT
D. CBTT LIÊN QUAN ĐẾN NGÀY ĐĂNG KÝ CUỐI CÙNG THỰC HIỆN QUYỀN CHO CỔ ĐÔNG HIỆN HỮU					
1.	Thực hiện CBTT cho UBCKNN, VSD (bản cứng), báo cáo cho SGDCKHCM, đồng thời CBTT về ngày đăng ký cuối cùng dự kiến thực hiện quyền cho cổ đông và các tài liệu liên quan	Tối thiểu 24h trước hạn CBTT cuối cùng	Tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng dự kiến (thực hiện quyền tham dự họp ĐHĐCĐ) Tối thiểu 10 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng dự kiến (thực hiện các quyền khác)	Khoản 4 Điều 11 TT96	Phòng TC-KT
2.	Tổ chức niêm yết gửi cho SGDCKHCM (HOSE) các tài liệu sau: - Một (01) bản tóm tắt số cổ đông của công ty tại ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện quyền theo mẫu CBTT/SGDHCM-09 ;	Tối thiểu 24h trước hạn gửi cuối cùng	Trong vòng 15 ngày kể từ ngày đăng ký cuối cùng		Phòng TC-KT

	<p>- Một (01) bản dữ liệu điện tử định dạng excel danh sách cổ đông tại ngày chốt danh sách thực hiện quyền.</p>				Phòng TC-KT
3.	<p>Trường hợp hủy nội dung thông báo về ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền liên quan đến tỷ lệ thực hiện và ngày đăng ký cuối cùng đối với các trường hợp phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu và các trường hợp liên quan đến việc điều chỉnh giá tham chiếu tại ngày giao dịch không hưởng quyền theo Quy chế hướng dẫn giao dịch chứng khoán của SGDCCKHCM, CBTT và gửi thông báo cho SGDCCKHCM nêu rõ lý do hủy</p>	Tối thiểu 12h trước hạn ra thông báo	<p>Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi ra thông báo nhưng chậm nhất 05 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng</p>		Phòng TC-KT
E. CÔNG BỐ THÔNG VỀ CÁC HOẠT ĐỘNG KHÁC					
1.	<p>CBTT về hoạt động chào bán, phát hành, niêm yết, đăng ký giao dịch và báo cáo sử dụng vốn</p>		<p>Theo quy định pháp luật về chào bán, phát hành, niêm yết, đăng ký giao dịch chứng khoán</p>	Khoản 1 Điều 13 TT96	Phòng TC-KT
2.	<p>Công bố thông tin về tỷ lệ sở hữu nước ngoài</p>		<p>Theo quy định pháp luật chứng khoán hướng dẫn hoạt động đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam.</p>	Khoản 2 Điều 13 TT96	Phòng TC-KT
3.	<p>Công bố thông tin về giao dịch mua lại cổ phiếu của chính mình, bán cổ phiếu quỹ</p>		<p>Theo quy định pháp luật về việc mua lại cổ phiếu của chính mình, bán cổ phiếu quỹ</p>	Khoản 3 Điều 13 TT96	Phòng TC-KT
4.	<p>Trường hợp công ty mua lại cổ phiếu của chính mình, sau khi thanh toán hết số cổ phiếu mua lại, nếu tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán giảm hơn 10%</p>		<p>Công ty phải thông báo cho tất cả các chủ nợ biết và CBTT trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày hoàn tất nghĩa vụ thanh toán việc mua lại cổ phiếu.</p>	Khoản 3 Điều 13 TT96	Phòng TC-KT

PHỤ LỤC 2. HƯỚNG DẪN CBTT CỦA CÁC ĐỐI TƯỢNG KHÁC

1. Công bố thông tin về sở hữu cổ phiếu của cổ đông lớn, nhóm người có liên quan nắm giữ từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty:

- Tổ chức, cá nhân khi trở thành hoặc không còn là cổ đông lớn; nhóm người có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty phải CBTT và báo cáo về giao dịch cho Công ty, UBCKNN và SGDCKHCM theo mẫu quy định tại **Mẫu 14 – CDL** tại Phụ lục 3 kèm theo Quy chế này trong **thời hạn 05 ngày làm việc**, kể từ ngày trở thành hoặc không còn là cổ đông lớn.

- Cổ đông lớn, nhóm người có liên quan nắm giữ từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty khi có thay đổi về số lượng cổ phiếu qua các ngưỡng 1% số cổ phiếu có quyền biểu quyết phải CBTT và báo cáo cho Công ty, UBCKNN, SGDCKHCM theo **Mẫu 15 – CDL** tại Phụ lục 3 kèm theo Quy chế này trong **thời hạn 05 ngày làm việc**, kể từ ngày có sự thay đổi trên.

Ghi chú: Không áp dụng CBTT đối với các đối tượng không chủ động thực hiện giao dịch trong trường hợp thay đổi tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu có quyền biểu quyết phát sinh do Công ty mua lại cổ phiếu của chính mình hoặc phát hành thêm cổ phiếu.

Ví dụ: Nhà đầu tư A sở hữu 5,2% số lượng cổ phiếu có quyền biểu quyết của tổ chức niêm yết X. Ngày T, ông A đặt lệnh giao dịch mua vào làm tăng tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu X từ 5,2% lên 5,7%. Tiếp sau đó, vào ngày T', ông A đặt lệnh mua tiếp làm tăng tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu X từ 5,7% lên 6,1%. Giao dịch tại ngày T' đã làm cho tỷ lệ sở hữu cổ phiếu X của ông A thay đổi vượt qua ngưỡng 6%, do vậy, trong vòng 05 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc việc thanh toán giao dịch chứng khoán, ông A phải công bố thông tin và báo cáo công ty X, UBCKNN và Sở giao dịch chứng khoán về việc thay đổi tỷ lệ sở hữu cổ phiếu của mình.

Công ty công bố trên website của Công ty trong vòng **03 ngày làm việc** sau khi nhận được báo cáo liên quan đến sự thay đổi tỷ lệ sở hữu cổ phiếu, quyền mua cổ phiếu, chứng chỉ quỹ của các đối tượng này.

2. Công bố thông tin về giao dịch của Người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ:

Người nội bộ của Công ty và người có liên quan của đối tượng này phải CBTT, báo cáo trước và sau khi thực hiện giao dịch cho Công ty, UBCKNN và SGDCKHCM khi **giá trị giao dịch dự kiến trong ngày từ 50 triệu đồng trở lên hoặc giá trị giao dịch dự kiến trong từng tháng từ 200 triệu đồng trở lên tính theo mệnh giá (đối với cổ phiếu, trái phiếu chuyển đổi) hoặc theo giá phát hành gần nhất (đối với chứng quyền có bảo đảm) hoặc giá trị chuyển nhượng (đối với quyền mua cổ phiếu, quyền mua trái phiếu chuyển đổi)**, kể cả trường hợp chuyển nhượng không thông qua hệ thống giao dịch tại SGDCKHCM (như các giao dịch cho hoặc được cho, tặng hoặc được tặng, thừa kế, chuyển nhượng hoặc nhận chuyển nhượng chứng khoán và các trường hợp khác), cụ thể như sau:

- Trước khi thực hiện giao dịch: Trước ngày thực hiện giao dịch **tối thiểu là 03 ngày làm việc**, NNB của Công ty và NCLQ của NNB phải CBTT và báo cáo cho UBCKNN, SGDCKHCM và Công ty về việc dự kiến giao dịch cổ phiếu) theo **Mẫu 16 – GD NNB** tại Phụ lục 3 kèm theo Quy chế này.

- Thời hạn thực hiện giao dịch **không được quá 30 ngày**, kể từ ngày đăng ký thực hiện giao dịch và **chỉ được bắt đầu tiến hành phiên giao dịch đầu tiên vào ngày giao dịch liền sau ngày có thông tin công bố từ SGDCKHCM (Trừ trường hợp thực hiện**

giao dịch mua trong các đợt phát hành cổ phiếu hoặc giao dịch chào mua công khai, đối tượng phải CBTT được miễn trừ nghĩa vụ quy định tại điểm này và thực hiện theo quy định pháp luật về hoạt động chào bán, phát hành, chào mua công khai).

Ghi chú: NNB của Công ty và NCLQ của NNB không được đồng thời đăng ký giao dịch mua và bán cổ phiếu trong cùng một đợt đăng ký và phải thực hiện giao dịch theo đúng thời gian và khối lượng đã đăng ký.

- Sau khi thực hiện giao dịch: Trong thời hạn **05 ngày làm việc**, kể từ ngày hoàn tất giao dịch (trường hợp giao dịch kết thúc trước thời hạn đăng ký) hoặc kết thúc thời hạn dự kiến giao dịch, NNB của Công ty và NCLQ của NNB phải báo cáo cho UBCKNN, SGDCKHCM và Công ty về kết quả giao dịch theo **Mẫu 17 – GD NNB** tại Phụ lục 3 kèm theo Quy chế này, đồng thời giải trình nguyên nhân không thực hiện được giao dịch hoặc không thực hiện hết khối lượng đăng ký (nếu có).

3. Ghi chú:

- NNB của Công ty và NCLQ của NNB chỉ được đăng ký và thực hiện giao dịch tiếp theo khi đã báo cáo kết thúc đợt giao dịch trước đó.











- Trường hợp sau khi đăng ký giao dịch, đối tượng đăng ký giao dịch không còn là NNB của Công ty và NCLQ của NNB, đối tượng đăng ký giao dịch vẫn phải thực hiện việc báo cáo và CBTT theo quy định.








- Trường hợp công ty chứng khoán là NCLQ của NNB của tổ chức niêm yết, đăng ký giao dịch, khi thực hiện sửa lỗi giao dịch cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch, Công ty phải báo cáo UBCKNN, SGDCKHCM và Công ty trong vòng **24 giờ**, kể từ thời điểm hoàn thành giao dịch sửa lỗi.

- Trường hợp công ty mẹ hoặc các tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội của Công ty (công đoàn, đoàn thanh niên...), cá nhân giữ chức danh quản lý khác theo quy định tại Điều lệ Công ty thực hiện giao dịch cổ phiếu phải thực hiện nghĩa vụ CBTT như quy định đối với người nội bộ.

- Công ty công bố trên website của Công ty trong vòng **03 ngày** làm việc sau khi nhận được báo cáo liên quan đến giao dịch cổ phiếu của NNB của Công ty và NCLQ của NNB.

PHỤ LỤC 3. CÁC MẪU BIỂU

Stt	Ký hiệu mẫu biểu	File mẫu	Nội dung
1.	Mẫu 01 – BCTN	 Mau 01 - BCTN.docx	Báo cáo thường niên (Thông tư số 96/2020/TT-BTC)
2.	Mẫu 02 – BCCTT	 Mau 02 - BCCTT.docx	Bản cung cấp thông tin người nội bộ (Thông tư số 96/2020/TT-BTC)
3.	Mẫu 03 – BCQT	 Mau 03 - BCQT.docx	Báo cáo quản trị 06 tháng đầu năm/năm (Thông tư số 96/2020/TT-BTC)
4.	Mẫu 04 - BC	 Mau 04 - BC.docx	Báo cáo tiến độ sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán (Nghị định số 155/2020/NĐ-CP)
5.	Mẫu 05 - THQ	 Mau 05 - THQ	Thông tin liên quan đến ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu (Quyết định 02/QĐ-VSD ngày 02/01/2020)
6.	Mẫu 06 - DS	 Mau 06 - DS.docx	Danh sách cổ đông nhà nước, cổ đông chiến lược, cổ đông lớn và cổ phiếu quỹ công ty (Quyết định số 340/QĐ-SGDHCM)
7.	Mẫu 07 - CCTT	 Mau 07 - CCTT.docx	Bảng cung cấp thông tin về quản trị công ty (Quyết định số 340/QĐ-SGDHCM)
8.	Mẫu 08 - DSNNB	 Mau 08 - DS.docx	Danh sách người nội bộ và những người có liên quan (Quyết định số 340/QĐ-SGDHCM)
9.	Mẫu 09 - TB	 Mau 09 - TB.docx	Thay đổi người có liên quan của người nội bộ (Quyết định số 340/QĐ-SGDHCM)
10.	Mẫu 10 - DK	 Mau 10 - DK.docx	Đăng ký mô hình công ty và loại báo cáo tài chính (Quyết định số 340/QĐ-SGDHCM)

Stt	Ký hiệu mẫu biểu	File mẫu	Nội dung
11.	Mẫu 11 - TDCP	 Mẫu 11 - TDCP.docx	Thay đổi số lượng cổ phiếu có quyền biểu quyết đang lưu hành (Quyết định số 340/QĐ-SGDHCM)
12.	Mẫu 12 - TTSCD	 Mau 12 - TTSCD.docx	Tóm tắt sổ cổ đông của công ty (Quyết định số 340/QĐ-SGDHCM)
13.	Mẫu 13 - CBTT	 Mau 13 - CBTT.docx	Công bố thông tin bất thường (Quyết định số 340/QĐ-SGDHCM)
14.	Mẫu 14 - CDL	 Mau 14 - CDL.docx	Báo cáo về ngày trở thành/ không còn là cổ đông lớn (Thông tư số 96/2020/TT-BTC)
15.	Mẫu 15 - CDL	 Mau 15 - CDL.docx	Báo cáo về giao dịch cổ phiếu của cổ đông lớn, nhà đầu tư sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của công ty khi có thay đổi số lượng cổ phiếu qua các ngưỡng 1% số cổ phiếu có quyền biểu quyết (Thông tư số 96/2020/TT-BTC)
16.	Mẫu 16 - GD NNB	 Mau 16 -NNB.docx	Thông báo Giao dịch cổ phiếu của Người nội bộ và người có liên quan của của người nội bộ (Thông tư số 96/2020/TT-BTC)
17.	Mẫu 17 - GD NNB	 Mau 17 - NNB.docx	Báo cáo Kết quả giao dịch cổ phiếu của Người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ (Thông tư số 96/2020/TT-BTC)